

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 218/2019/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 11 năm 2019

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Ngọc Viễn.

2. Bà Lê Thị Thu Yến.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trạng - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Ngân Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 668/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 205/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Minh T**, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc T1**, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: số H, tổ M, ấp Q, xã A, Tp M, tỉnh Tiền Giang.

(Có mặt chị T, vắng mặt anh T1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 16/9/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Minh T trình bày: Chị và anh Nguyễn Ngọc T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010. Có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào ngày 24/12/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 không lo làm ăn, suốt ngày chơi cờ bạc. Chị có nhiều lần khuyên can nhưng anh T1 không thay đổi. Nay nhận thấy tình cảm

vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T1.

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Hoàng Khải A sinh ngày 27/3/2014 và Nguyễn Hoàng Nhã A sinh ngày 23/6/2016. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi hai con chung, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T1 đã được Toà án tổng đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà nhưng vẫn không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T.

* Tại phiên tòa, chị Trương Thị Minh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử chuẩn bị nghị án đều đúng theo trình tự do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh T1, về con chung giao cháu Nguyễn Hoàng Khải A và Nguyễn Hoàng Nhã A cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trương Thị Minh T và anh Nguyễn Ngọc T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 171/2010, quyền số 01/2010, ngày 24/12/2010. Ngày 16/9/2019 chị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T1 đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Điều 51 và 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hình thức và nội dung đơn khởi kiện đúng quy định tại Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc T1 đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng không có mặt đề dự phiên tòa mà không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T1 theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Minh T và anh Nguyễn Ngọc T1 được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật, xác định hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian sống chung hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân do anh T1 không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc. Chị

T đã nhiều lần khuyên can nhưng anh T1 không thay đổi. Năm 2012, cũng vì lý do anh T1 thường xuyên cờ bạc chị có nộp đơn khởi kiện ly hôn ra Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh giải quyết, sau đó chị rút đơn khởi kiện, cho anh T1 cơ hội sửa đổi, nhưng đến nay anh T1 vẫn không thay đổi. Chị T và anh T1 đã sống ly thân từ đầu tháng 06/2019 đến nay.

Xét thấy, từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, Tòa án đã triệu tập anh T1 đến để tham dự phiên tòa, nhưng anh T1 vắng mặt không có lý do, nên không đưa ra được một biện pháp cụ thể nào để hàn gắn lại mối quan hệ vợ chồng. Việc anh T1 không đến dự phiên tòa là mặc nhiên từ bỏ cơ hội để vợ chồng đoàn tụ với nhau. Hiện tại chị T trình bày không còn tình cảm, không muốn tiếp tục chung sống đời sống vợ chồng với anh T1 nên đã nộp đơn ly hôn và tại phiên tòa vẫn cương quyết ly hôn, cho thấy anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Khải A sinh ngày 27/3/2014 và Nguyễn Hoàng Nhã A sinh ngày 23/6/2016. Tại phiên tòa, chị T yêu cầu giao 02 con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Theo biên bản xác minh ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân thành phố M xác định cháu Nhã A và Khải A hiện đang sống chung với chị T tại Trà Vinh. Xét thấy cả 02 con chung của anh chị hiện nay còn nhỏ tuổi, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu cần giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của chị T. Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu. Anh T1 có quyền đến thăm và chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh T1 thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho là có cơ sở và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 189, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 8, 9, 53, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trương Thị Minh T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Minh T được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T1;

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Khải A sinh ngày 27/3/2014 và Nguyễn Hoàng Nhã A sinh ngày 23/6/2016 cho chị Trương Thị Minh T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Ngọc T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về án phí: Chị Trương Thị Minh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000402 ngày 16/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, nên xem như đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trương Thị Minh T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Ngọc T1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP M;
- CCTHADS TP M;
- Dương sự;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(ĐÃ KÝ)

Trần Thị Thúy Hằng

